

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ KHÁNH HOÀ

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁI				20	6	1985	Hoài Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		KHH00003		57.50	36.25	55.00		KHH00120
2	ĐÀO THỊ VÂN	ANH				10	7	1989	An Dương, Lê Chân, Hải Phòng	Đại học Luật Hà Nội	Pháp Luật Kinh Tế		KHH00020		65.00	63.75	60.00		KHH00131
3	LÊ BẢO	ANH	16	6	1984				Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Đà Lạt	Tài chính kế toán		KHH00023		50.00	61.25	67.50		KHH00095
4	LÊ KIM	ANH				4	1	1993	Nam Trực, Nam Định	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00024		97.50	67.50	80.00		KHH00022
5	LƯƠNG PHAN	ANH	30	6	1984				Phổ Thuận, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học Quốc Gia Hà nội	Quản trị kinh doanh		KHH00028		90.00	58.75	92.50		KHH00158
6	LƯƠNG PHAN THỦY	ANH				31	5	1992	Phổ Thuận, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00029		90.00	67.50	87.50		KHH00139
7	PHẠM THỊ HÀ	ANH				11	5	1991	Phú Thọ	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00040		65.00	60.00	72.50		KHH00103
8	PHẠM THỊ VÂN	ANH				5	5	1988	Thôn Quỳ, Vũ Chính, Thái Bình, Thái Bình	Đại học Nha Trang	Kinh tế thương mại		KHH00041		62.50	53.75	62.50		KHH00156
9	LÊ THỊ HỒNG	BÍCH				27	1	1989	Bắc Ninh	Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán Doanh nghiệp		KHH00052		60.00	50.00	55.00		KHH00130
10	LÊ THỊ	BÌNH				22	4	1988	Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính		KHH00059		65.00	MT	77.50		KHH00089
11	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	BÌNH				16	6	1991	Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh	Kinh tế tài nguyên môi trường	Con NHCS như TB	KHH00062	20	50.00	72.50	70.00		KHH00187
12	TRẦN THANH	BÌNH	25	1	1990				Trực Hưng, Trực Ninh, Nam Định	Đại học Thái Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		KHH00065		60.00	55.00	52.50		KHH00029
13	NGUYỄN ĐỖ UYÊN	CẨM				2	7	1980	41/10 Phan Đình Giót, phường Phương Sài, Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00070		62.50	30.00	55.00		KHH00097
14	HOÀNG NỮ NGỌC	CHÂU				4	4	1991	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học Thái Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		KHH00076		40.00	41.25	55.00		KHH00096
15	NGUYỄN THỊ LINH	CHÂU				2	12	1992	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Kinh Tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán		KHH00079		95.00	75.00	80.00		KHH00024
16	TÔ THẢO	CHÂU				18	4	1992	Hội Phú Nam 2, Ninh Phú, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00080		70.00	60.00	60.00		KHH00134
17	TÔ THỊ KIM	CHÂU				1	5	1991	Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính Nhà nước		KHH00081		60.00	50.00	62.50		KHH00185
18	TRẦN VĂN	CHIẾN	9	3	1992				Thừa Thiên	Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH00093		35.00	58.75	70.00		KHH00041
19	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	29	5	1987				Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Bình Dương	Kế toán		KHH00110		57.50	46.25	75.00		KHH00076
20	MAI TUYẾT	ĐAN				21	3	1992	Khánh Hòa	Đại học Văn Lang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00111		40.00	65.00	67.50		KHH00163
21	NGUYỄN BẢO HUY	ĐĂNG	5	4	1992				Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00112		92.50	77.50	65.00		KHH00135
22	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	15	11	1983				Diên Thạnh, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00152		72.50	40.00	62.50		KHH00038
23	HOÀNG THỊ THỦY	DUNG				6	7	1990	Nga Lĩnh, Nga Sơn, Thanh Hóa	Đại học Thái Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng	Con NHĐKC bị NCDHH	KHH00159	20	47.50	42.50	57.50		KHH00198
24	NGUYỄN ĐẶNG THỦY	DUNG				6	6	1992	Cẩm Sơn, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Quy Nhơn	Tài chính Công và Quản lý Thuế		KHH00164		57.50	43.75	52.50		KHH00068
25	PHẠM THỊ LÊ	DUNG				15	9	1983	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học Dân Lập Duy Tân	Kế toán Doanh nghiệp		KHH00168		67.50	57.50	62.50		KHH00002
26	TRẦN NGUYỄN THỦY	DƯƠNG				3	9	1992	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00189		VT	VT	VT		KHH00047

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
27	VÕ HOÀNG	DUY	5	10	1989				Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính Nhà nước		KHH00194		92.50	78.75	82.50		KHH00021
28	BÙI THIÊN	DY				30	10	1993	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH00206		50.00	45.00	52.50		KHH00099
29	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG	GIANG				24	4	1980	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Dân Lập Văn Lang	Quản trị kinh doanh		KHH00212		72.50	58.75	85.00		KHH00032
30	NGUYỄN THỊ HUỖN	GIANG				1	7	1993	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính Doanh nghiệp		KHH00217		85.00	70.00	70.00		KHH00113
31	ĐÀM THỊ THANH	HÀ				23	2	1991	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00224		77.50	56.25	62.50		KHH00114
32	PHẠM THỊ MỸ	HÀ				20	9	1985	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00239		52.50	43.75	55.00		KHH00127
33	TRỊNH THỊ	HÀ				21	7	1987	Thiệu Thành, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00246		65.00	31.25	62.50		KHH00093
34	LÊ NGỌC	HÂN				19	10	1993	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00259		80.00	86.25	55.00		KHH00015
35	ĐẶNG THỊ NHƯ'	HÀNG				20	10	1984	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Sài Gòn	Tài chính - Ngân hàng		KHH00263		72.50	67.50	85.00		KHH00191
36	LÊ THỊ THU	HÀNG				2	2	1993	Phú Yên	Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh	Ngân hàng		KHH00269		47.50	56.25	67.50		KHH00045
37	NGUYỄN THỊ	HÀNG				15	7	1993	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00277		50.00	40.00	62.50		KHH00138
38	NGUYỄN THỊ	HÀNG				9	4	1989	Đồng Yên, Yên Lâm, Yên Mô, Ninh Bình	Đại học Lao Động - Xã Hội	Kế toán		KHH00275		40.00	55.00	45.00		KHH00085
39	NGUYỄN THÚY	HÀNG				22	5	1993	Nam Định	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00283		87.50	52.50	75.00		KHH00180
40	TRẦN THANH	HÀNG				24	11	1991	Đức Long, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00290		52.50	72.50	82.50		KHH00063
41	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH				22	3	1985	Diễn Thành, Diễn Khánh, Khánh Hòa	Đại học Đà Lạt	Kế toán		KHH00308		37.50	42.50	52.50		KHH00109
42	LÊ GIA	HẢO				9	1	1995	xã Tân Thuận Tây, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đại Học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính công		KHH00318		77.50	83.75	82.50		KHH00213
43	TRẦN THỊ	HẢO				20	3	1992	Yên Lạc, Cẩm Yên, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00323		VT	VT	VT		KHH00195
44	NGUYỄN THỊ MỸ	HIỀN				5	10	1993	Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00338		VT	VT	VT		KHH00160
45	PHẠM THỊ	HIỀN				14	12	1992	Hợp Thắng, Triệu Sơn, Thanh Hóa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00343		55.00	52.50	57.50		KHH00036
46	LÊ NGUYỄN TÔN	HIẾU	21	10	1988				Quảng Nam	Đại học Tây Nguyên	Tài chính - Ngân hàng		KHH00361		75.00	68.75	77.50		KHH00144
47	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOA				20	7	1992	Quảng Ngãi	Đại học Công Nghệ Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH00375		40.00	55.00	65.00		KHH00140
48	NGUYỄN MINH	HÒA	14	1	1991				Thanh Hóa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00382		60.00	51.25	60.00		KHH00037
49	BÙI THU	HOÀI				27	3	1987	An Hồng, An Hải, Hải Phòng	Đại học Thương Mại	Kế toán Tài chính Doanh nghiệp TM		KHH00391		42.50	37.50	47.50		KHH00087
50	HUỖNH LÊ	HOÀNG	4	6	1995				Diễn Khánh, Khánh Hòa	Đại Học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính công		KHH00403		67.50	66.25	70.00		KHH00214
51	LÊ NGỌC	HOÀNG	12	11	1990				Đồng Hương, Thanh Hóa, Thanh Hóa	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH00404		77.50	58.75	80.00		KHH00173
52	LÊ THỊ	HÔNG				5	9	1992	Thôn Trung Sơn, Thanh Hưng, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Kinh Tế Đà Nẵng	Kế toán		KHH00412		77.50	55.00	55.00		KHH00204
53	NGUYỄN THỊ	HÔNG				2	10	1986	Bình Lục, Hà Nam	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00413		77.50	MT	62.50		KHH00137
54	NGUYỄN CÔNG	HUÂN	2	1	1989				Vạn Giã, Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00417		52.50	52.50	65.00		KHH00017
55	CAO XUÂN	HƯNG	21	3	1993				Tiên Lãng, Hải Phòng	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00428		82.50	68.75	75.00		KHH00007
56	NGUYỄN QUANG	HƯNG	4	9	1987				Khánh Hòa	Đại học Kinh Tế Luật	Kế toán - Kiểm toán		KHH00430		VT	VT	VT		KHH00149
57	ĐINH THỊ DIỄM	HƯƠNG				11	11	1992	Tân Hưng, Ninh Hưng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00435		80.00	76.25	80.00		KHH00110
58	LÊ ĐÀO NGỌC	HƯƠNG				22	8	1991	Ninh Thân, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Thái Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		KHH00440		80.00	58.75	85.00		KHH00070
59	NGUYỄN HOÀNG DIỄM	HƯƠNG				3	2	1994	Bình Đông, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00442		92.50	61.25	70.00		KHH00169
60	NGUYỄN THẢO QUỲNH	HƯƠNG				26	5	1995	Tuy Hòa - Phú Yên	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		KHH00444		55.00	61.25	62.50		KHH00301

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
61	PHẠM THỊ	HƯƠNG				15	2	1988	Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00452		87.50	65.00	82.50		KHH00170
62	TRẦN THỊ MAI	HƯƠNG				12	11	1989	Tự Lập, Mê Linh, Lâm Hà, Lâm Đồng	Đại học Đà Lạt	Kế toán		KHH00454		80.00	55.00	67.50		KHH00031
63	PHAN THANH	HUY	30	4	1990				Lạc Bình, Ninh Thọ, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00467		67.50	86.25	67.50		KHH00112
64	CAO THỊ	HUYỀN				28	2	1990	Quảng Vinh, Quảng Điện, Thừa Thiên Huế	Đại học Dân Lập Phú Xuân	Tài chính - Ngân hàng		KHH00472		47.50	43.75	70.00		KHH00090
65	MAI THỊ KHÁNH	HUYỀN				4	10	1992	Hà Ngọc, Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính Công		KHH00475		85.00	66.25	72.50		KHH00157
66	VÕ THỊ THANH	HUYỀN				23	6	1992	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00482		VT	VT	VT		KHH00019
67	HÀ THUY HUYỀN	KHANH				29	11	1992	Quảng Nam	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00494		VT	VT	VT		KHH00118
68	PHAN THỊ MAI	KHANH				8	12	1992	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		KHH00498		47.50	36.25	72.50		KHH00167
69	BÙI ĐÌNH	KHÁNH	29	10	1993				Đức Thắng, Tiên Lữ, Hưng Yên	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00499		92.50	68.75	90.00		KHH00049
70	NGUYỄN ĐÌNH MINH	KHÁNH				15	8	1992	Khánh Hòa	Đại học Hùng Vương	Tài chính - Ngân hàng		KHH00502		62.50	51.25	77.50		KHH00061
71	NGUYỄN VĂN	KHIẾT	30	5	1991				Thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00507		47.50	42.50	47.50		KHH00084
72	PHẠM ANH	KHOA	6	5	1990				Khánh Hòa	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính Nhà nước		KHH00508		72.50	57.50	70.00		KHH00016
73	BÙI ANH TẤN	KHƯƠNG	27	8	1991				Khánh Hòa	Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kiểm toán		KHH00509		60.00	41.25	62.50		KHH00148
74	TRẦN NHẬT	KHUYỀN				2	9	1986	Diên Sơn, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính Doanh nghiệp		KHH00514		VT	VT	VT		KHH00151
75	ĐỖ NGUYỄN TRÚC	LAM				3	10	1991	Hòa Vinh, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH00528		67.50	71.25	85.00		KHH00048
76	HOÀNG THANH	LAM				10	10	1994	Hưng Yên	Đại học Nha Trang	Tài chính Doanh nghiệp		KHH00529		VT	VT	VT		KHH00201
77	LÊ THỊ HỒNG	LAM				22	9	1993	thôn Bình Trị, Ninh Bình, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		KHH00530		82.50	38.75	77.50		KHH00058
78	NGUYỄN DUY	LÂM	13	10	1991				Hội An, Quảng Nam	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính Nhà nước		KHH00533		87.50	65.00	77.50		KHH00082
79	LÊ THỊ THÚY	LAN				14	6	1991	Hoa Động, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00539		85.00	68.75	92.50		KHH00159
80	NGUYỄN THỊ	LAN				15	7	1986	Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH00540		70.00	38.75	65.00		KHH00132
81	NGÔ THỊ NGỌC	LÀNH				18	3	1994	Quảng Phước, Vạn Lương, Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán Doanh nghiệp		KHH00542		60.00	52.50	60.00		KHH00124
82	PHAN THỊ THU	LIÊU				30	7	1984	Quảng Bình	Đại học Dân Lập Duy Tân	Kế toán Doanh nghiệp		KHH00564		85.00	58.75	67.50		KHH00050
83	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH				3	4	1993	Hải Hùng, Hải Hậu, Nam Định	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Ngân hàng		KHH00596		60.00	72.50	72.50		KHH00008
84	TRẦN THỊ	LOAN				24	3	1992	xóm 3, Xuân Đan, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Đại học Quốc Gia Hà nội - Đại học Kinh Tế	Kế toán		KHH00614		VT	VT	VT		KHH00166
85	TRỊNH THỊ	LOAN				22	8	1994	xóm 5, Mỹ Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học Kinh Tế Huế	Kế toán Doanh nghiệp		KHH00615		VT	VT	VT		KHH00206
86	VŨ THỊ PHƯƠNG	LOAN				26	1	1994	Vĩnh Phú	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00616		VT	VT	VT		KHH00119
87	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	15	11	1989				thôn Bình Thành, Ninh Bình, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH00621		82.50	57.50	77.50		KHH00066
88	PHẠM LÊ	LONG	8	11	1993				Tây Sơn, Bình Định	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00623		80.00	40.00	82.50		KHH00059
89	LÊ ĐĂNG	LUÂN	5	11	1989				Thanh Hóa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00625		57.50	41.25	82.50		KHH00147
90	VÕ NGUYỄN THẠNH	LUÂN	2	11	1991				Diễn Thạnh, Diễn Khánh, Khánh Hòa	Đại học Quốc tế Hồng Bàng Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH00627		77.50	53.75	80.00		KHH00083
91	NGUYỄN HÀ THU	LY				3	9	1990	Hà Nội	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính Doanh nghiệp		KHH00632		52.50	MT	72.50		KHH00092

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
92	PHÙNG THIÊN	LY				6	4	1990	Hoài Hào, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học Tài chính - Marketing	Thuế		KHH00635		55.00	62.50	60.00		KHH00161
93	PHẠM MINH	LÝ				27	6	1992	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00642		65.00	41.25	62.50		KHH00146
94	NGÔ THỊ NHẬT	MINH				8	3	1993	Bình Thành, Ninh Bình, Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00660		72.50	51.25	77.50		KHH00098
95	NGUYỄN QUANG	MINH	9	8	1990				Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		KHH00661		52.50	MT	72.50		KHH00001
96	LÊ THỊ TRÀ	MY				20	6	1988	Vĩnh Phước, Ninh Phụng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Giao Thông Vận Tải Hà Nội	Kế toán Tổng hợp		KHH00670		VT	VT	VT		KHH00126
97	HỒ THỊ THANH	NGA				24	10	1993	Khánh Hòa	Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH00690		75.00	62.50	70.00		KHH00060
98	HUỖNH THỊ HẰNG	NGA				8	4	1989	174 Đại Điền Trung, Diên Điền, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính		KHH00691		77.50	43.75	60.00		KHH00106
99	NGUYỄN BẢO	NGÂN				8	12	1994	Diên Thạnh, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		KHH00710		45.00	41.25	45.00		KHH00012
100	HUỖNH MINH	NGHIÊM	18	1	1988				Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH00733		77.50	71.25	85.00		KHH00115
101	BÙI THỊ	NGỌC				26	1	1988	Hội Ninh, Kim Sơn, Ninh Bình	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán		KHH00735		60.00	32.50	70.00		KHH00129
102	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC				14	6	1990	Khánh Hòa	Đại học Thái Bình Dương	Kế toán		KHH00749		85.00	38.75	77.50		KHH00152
103	THÁI LÊ MINH	NGỌC				9	9	1991	Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00752		VT	VT	VT		KHH00020
104	TRƯƠNG THỊ THANH	NGỌC				23	11	1991	Diên Khánh - Khánh Hòa	Trường Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán		KHH00758		VT	VT	VT		KHH00300
105	DƯƠNG TRẦN PHƯƠNG	NHÃ				31	5	1984	Bình Dương	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		KHH00783		85.00	58.75	90.00		KHH00143
106	NGUYỄN HỮU	NHÂN	11	4	1983				Phường Vĩnh Trường, Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Sài Gòn	Tài chính - Ngân hàng	HTNVQS	KHH00789	10	55.00	56.25	62.50		KHH00055
107	NGUYỄN VĂN	NHÂN	3	3	1995				Thanh Mỹ, Ninh Quang, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00791		77.50	63.75	82.50		KHH00056
108	NGUYỄN HUYỀN TIỂU	NHI				6	4	1992	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học Văn Lang	Kế toán		KHH00805		47.50	36.25	67.50		KHH00086
109	NGUYỄN THỊ	NHUNG				1	9	1987	Nghi Liên, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Duy Tân	Kế toán		KHH00831		77.50	MT	72.50		KHH00009
110	BẠCH TUYẾT	NỮ				22	10	1992	Thị trấn Quế, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học Công Nghệ Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		KHH00849		57.50	56.25	72.50		KHH00153
111	TRẦN THỊ HOÀNG	OANH				6	7	1981	Phú Yên	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		KHH00859		67.50	38.75	60.00		KHH00028
112	VÕ THỊ HỒNG	OANH				11	1	1985	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Thương Mại	Kế toán Tài chính Doanh nghiệp		KHH00861		62.50	28.75	37.50		KHH00043
113	NGUYỄN LINH	PHA				4	2	1990	An Đức, Ba Tri, Bến Tre	Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH00862		55.00	48.75	77.50		KHH00208
114	LÊ HỒNG	PHONG	19	9	1990				Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Kinh Tế Luật Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH00868		VT	VT	VT		KHH00199
115	PHAN TUẤN NGỌC	PHÚ	22	4	1992				Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00873		52.50	31.25	50.00		KHH00027
116	VŨ THỊ	PHÚC				5	9	1984	Khánh Thương, Yên Mô, Ninh Bình	Đại học Nông Nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh		KHH00878		VT	VT	VT		KHH00190
117	BÙI THUẬN THẢO	PHƯƠNG				17	2	1993	An Vũ, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00884		57.50	67.50	67.50		KHH00128
118	ĐOÀN BÍCH	PHƯƠNG				7	8	1994	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		KHH00886		72.50	75.00	65.00		KHH00171
119	LÊ THỊ MINH	PHƯƠNG				13	3	1993	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00893		80.00	46.25	77.50		KHH00164
120	NGUYỄN LÊ KHÁNH	PHƯƠNG				20	11	1994	Diên Lạc, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00900		60.00	50.00	45.00		KHH00205
121	NGUYỄN LÊ THỊ TÂM	PHƯƠNG				10	1	1981	Diên Sơn, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Thủy Sản	Kế toán Doanh nghiệp		KHH00901		VT	VT	VT		KHH00193

ng2

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
122	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG				3	9	1991	Diên Điện, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00907		87.50	60.00	82.50		KHH00102
123	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG				10	11	1994	Diên Thọ, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và KDTT		KHH00911		72.50	46.25	57.50		KHH00072
124	TRẦN THỊ	PHƯƠNG				18	9	1990	Bình Định	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH00918		37.50	51.25	57.50		KHH00094
125	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG				27	8	1987	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán Doanh nghiệp		KHH00920		60.00	46.25	70.00		KHH00080
126	TRƯƠNG THỊ MINH	PHƯƠNG				28	11	1985	Lai Thành, Kim Sơn, Ninh Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00921		87.50	78.75	82.50		KHH00168
127	TRẦN MINH	PHƯƠNG				1	10	1994	An Đông, Hưng Hà, Thái Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00931		57.50	67.50	67.50		KHH00194
128	NGUYỄN HỮU	QUỐC	29	9	1988				Ninh Đa, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán		KHH00945		45.00	30.00	42.50		KHH00075
129	TRẦN THẢO	QUYÊN				18	5	1993	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00960		65.00	63.75	60.00		KHH00014
130	LÊ NHƯ	QUỲNH				6	7	1991	Vạn Lương, Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		KHH00965		72.50	63.75	67.50		KHH00011
131	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH				16	6	1992	Hà Tĩnh	Đại học Lạc Hồng	Tài chính		KHH00969		72.50	51.25	70.00		KHH00033
132	NGUYỄN THỊ THU	SANG				23	8	1986	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính		KHH00977		47.50	43.75	MT		KHH00136
133	NGUYỄN HỒNG	SAO				19	5	1989	Vạn Lương, Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00979		50.00	33.75	47.50		KHH00078
134	NGUYỄN NAM	SƠN	3	5	1992				Nam Định	Đại học Nha Trang	Kế toán	Con TB	KHH00993	20	42.50	35.00	60.00		KHH00182
135	HOÀNG NHẬT	SƯƠNG				25	1	1993	Thừa Thiên Huế	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00995		62.50	67.50	70.00		KHH00178
136	NGUYỄN TỊNH	TÂM				21	4	1989	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính kế toán		KHH01006		60.00	57.50	47.50		KHH00211
137	VÕ THÀNH	TĂNG	24	1	1984				Ninh Đông, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Thái Bình Dương	Kế toán	HTNVQS	KHH01016	10	50.00	33.75	47.50		KHH00122
138	NGUYỄN HỮU	THÁI	7	12	1993				Diên An, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01021		80.00	66.25	67.50		KHH00054
139	NGUYỄN MINH	THẮNG	9	2	1988				Bắc Giang	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01028		60.00	57.50	62.50		KHH00177
140	NGUYỄN YẾN	THANH				5	3	1992	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		KHH01037		37.50	32.50	47.50		KHH00186
141	VŨ THANH	THANH				10	7	1993	Thái Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01045		62.50	41.25	67.50		KHH00145
142	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO				1	5	1994	Hưng Khê, Hà Tĩnh	Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH01060		VT	VT	VT		KHH00123
143	HUỖNH THỊ MINH	THẢO				17	9	1989	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính		KHH01061		VT	VT	VT		KHH00174
144	NGÔ HOÀNG NGỌC	THẢO				27	11	1995	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại Học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		KHH01066		75.00	82.50	77.50		KHH00215
145	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO				19	8	1985	Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính - Ngân hàng		KHH01072		77.50	47.50	70.00		KHH00121
146	NGUYỄN THỊ	THẢO				23	3	1991	Hải Phòng	Đại học Công Đoàn	Ngân hàng thương mại		KHH01076		82.50	42.50	65.00		KHH00179
147	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO				29	11	1988	thôn 3, Diên Phú, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính		KHH01083		72.50	MT	70.00		KHH00189
148	PHẠM THỊ THANH	THIỆM				4	8	1989	Trung Đông 3, Vạn Bình, Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH01102		VT	VT	VT		KHH00209
149	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ				3	11	1987	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01116		60.00	57.50	62.50		KHH00042
150	PHẠM THỊ THANH	THOÀ				8	3	1993	Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01121		97.50	73.75	75.00		KHH00013
151	LÊ HÀ	THƯƠNG				24	7	1993	Dân Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên	Đại học Tài chính - Marketing	Thuế		KHH01169		67.50	68.75	72.50		KHH00006
152	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG				31	3	1983	Nam Định	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		KHH01170		47.50	67.50	75.00		KHH00142
153	TRẦN THỊ LÊ	THƯƠNG				13	9	1990	Vạn Bình, Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán Doanh nghiệp		KHH01173		VT	VT	VT		KHH00176
154	HOÀNG NGỌC	THÚY				25	11	1988	Bình Định	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Ngân hàng		KHH01179		52.50	53.75	50.00		KHH00196
155	NGUYỄN THỊ XUÂN	THÚY				18	2	1989	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01182		47.50	52.50	70.00		KHH00192

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
156	BÙI THỊ MINH	THÙY				25	7	1991	Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính		KHH01187		57.50	65.00	72.50		KHH00039
157	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÙY				25	10	1993	Diên Toàn, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01208		75.00	61.25	65.00		KHH00003
158	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÙY				22	11	1991	Hà Tây	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01213		VT	VT	VT		KHH00200
159	PHẠM THỊ THU	THÙY				19	8	1990	Thái Sơn, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính Doanh nghiệp	Con TB	KHH01220	20	VT	VT	VT		KHH00155
160	TRẦN THANH	THÙY				20	12	1989	Tiêu Động, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01221		62.50	47.50	65.00		KHH00172
161	ĐINH MỸ	TIẾN				3	4	1995	Ninh Bình	Đại Học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		KHH01225		87.50	55.00	70.00		KHH00216
162	TRẦN NGỌC THÙY	TIẾN				4	7	1993	Khánh Hòa	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Thuế		KHH01228		77.50	67.50	72.50		KHH00302
163	TRẦN ANH	TIẾN	22	7	1994				Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh	Ngân hàng		KHH01237		57.50	75.00	80.00		KHH00125
164	VŨ THỊ	TƠ				11	8	1988	Nam Trực, Nam Định	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Tài chính Doanh nghiệp		KHH01244		45.00	35.00	57.50		KHH00074
165	CHU THỊ	TOÀN				10	12	1990	Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01247		35.00	25.00	52.50		KHH00188
166	ĐỖ HỮU QUỐC	TOÀN	25	11	1991				Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Thái Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		KHH01248		47.50	51.25	62.50		KHH00154
167	HUỖNH MINH	TOÀN	27	6	1992				Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Giao Thông Vận Tải Tp. Hồ Chí Minh	Kinh tế xây dựng		KHH01249		VT	VT	VT		KHH00202
168	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ				20	4	1986	Quang Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH01253		100.00	MT	77.50		KHH00052
169	LÊ PHẠM THỊ KIỀU	TRÂM				3	6	1991	Ngọc Hội, Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Thái Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		KHH01264		47.50	30.00	65.00		KHH00073
170	VÕ THỊ QUỲNH	TRÂM				6	3	1991	Ninh Hưng, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH01273		60.00	86.25	80.00		KHH00057
171	ĐỖ MINH NGỌC	TRẦN				26	10	1988	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Tây, Hà Nội	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01274		67.50	63.75	67.50		KHH00018
172	TRẦN HUYỀN	TRẦN				20	1	1992	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH01277		55.00	47.50	67.50		KHH00116
173	ĐẶNG THỊ THÙY	TRANG				8	8	1991	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01283		55.00	36.25	57.50		KHH00181
174	DƯƠNG HÀ	TRANG				14	1	1991	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH01289		50.00	56.25	60.00		KHH00150
175	NGUYỄN THỊ	TRANG				21	8	1989	Nhân Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Nha Trang	Tài chính		KHH01301		72.50	51.25	60.00		KHH00210
176	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG				19	2	1991	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán Ngân hàng		KHH01305		85.00	46.25	60.00		KHH00010
177	NGUYỄN THÙY	TRANG				22	3	1991	Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01314		57.50	53.75	52.50		KHH00165
178	VÕ THỊ DIỄM	TRANG				29	12	1990	Bắc Ninh	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		KHH01336		40.00	57.50	52.50		KHH00203
179	ĐINH NGUYỄN XUÂN	TRÍ	8	7	1990				Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		KHH01340		92.50	68.75	62.50		KHH00030
180	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH				16	6	1993	Hoài Ân, Bình Định	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH01348		55.00	52.50	55.00		KHH00069
181	NGUYỄN THỊ	TRÚC				22	8	1992	Ninh Đông, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH01371		70.00	52.50	65.00		KHH00005
182	NGUYỄN THỊ HỒNG	TÚ				5	1	1992	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01393		55.00	50.00	75.00		KHH00034
183	VŨ THANH	TÚ				28	2	1992	Nghĩa An, Nam Trực, Nam Định	Đại học Nha Trang	Ngân hàng		KHH01395		85.00	46.25	85.00		KHH00175
184	HÀ MINH	TUẤN	13	12	1991				Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Quốc tế Hồng Bàng Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		KHH01399		82.50	62.50	72.50		KHH00046
185	NGUYỄN ANH	TUẤN	12	12	1990				Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Hùng Vương	Tài chính - Ngân hàng		KHH01404		75.00	47.50	62.50		KHH00101
186	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	6	9	1994				Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH01406		85.00	71.25	82.50		KHH00026
187	PHAN CAO ANH	TUẤN	26	5	1992				Thôn Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh, Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính		KHH01407		80.00	52.50	50.00		KHH00025

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
188	DIỆP NỮ BẢNG	TUYỀN				27	10	1992	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Kinh Tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		KHH01423		VT	VT	VT		KHH00104
189	NGUYỄN THỊ LÂM	TUYỀN				20	1	1993	Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính		KHH01429		75.00	83.75	75.00		KHH00100
190	PHẠM THỊ LỆ	TUYỀN				17	3	1989	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KHH01435		52.50	32.50	62.50		KHH00053
191	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT				13	3	1988	Hoa Lư, Ninh Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01440		55.00	30.00	50.00		KHH00133
192	TRƯƠNG THỊ NGỌC	VÂN				1	10	1991	Phường Ninh Hiệp, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01481		55.00	41.25	62.50		KHH00062
193	VÕ THỊ HỒNG	VÂN				14	11	1992	Ninh An, Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kinh tế và quản lý Thủy sản		KHH01483		50.00	45.00	60.00		KHH00067
194	CAO THÚY	VI				5	9	1994	Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH01487		50.00	47.50	55.00		KHH00183
195	NGUYỄN HOÀNG TRÚC	VIÊN				26	12	1989	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	Học Viện Tài Chính Hà Nội	Kế toán Doanh nghiệp		KHH01494		77.50	55.00	60.00		KHH00077
196	LÊ NỮ THÁI	VIỆT				10	6	1986	Cửu Lợi 2, Cam Hòa, Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01499		75.00	53.75	57.50		KHH00162
197	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	2	5	1993				Tây Sơn, Bình Định	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01501		60.00	68.75	67.50		KHH00141
198	DƯƠNG	VINH	12	6	1991				Quảng Lĩnh, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01511		VT	VT	VT		KHH00184
199	SỬ HOÀNG	VŨ	9	12	1982				Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH01522		VT	VT	VT		KHH00088
200	BÙI TRẦN LÂM	VY				26	12	1991	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Văn Lang	Kế toán		KHH01525		VT	VT	VT		KHH00035
201	BÙI TƯỜNG	VY				28	10	1987	Nam Định	Đại học Nha Trang	Kế toán	Con TB	KHH01526	20	67.50	32.50	65.00		KHH00117
202	LÊ THỊ TƯỜNG	VY				12	10	1994	Đội 6, thôn Phú Khánh Trung, Diên Thạnh, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01531		85.00	50.00	80.00		KHH00004
203	NGUYỄN HOÀNG	VY				4	5	1989	Diên Sơn, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH01532		VT	VT	VT		KHH00107
204	NGUYỄN PHƯƠNG TƯỜNG	VY				7	4	1992	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Thái Bình Dương	Kế toán		KHH01533		47.50	41.25	67.50		KHH00212
205	TRẦN THỊ TƯỜNG	VY				1	8	1993	Ninh Phụng, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Sài Gòn	Tài chính		KHH01536		72.50	58.75	72.50		KHH00065
206	TRƯƠNG THỊ THẢO	VY				28	2	1990	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH01538		72.50	66.25	80.00		KHH00111
207	TRẦN TRIỆU	VỸ	27	9	1991				Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH01539		77.50	50.00	70.00		KHH00051
208	LƯƠNG THỊ	XANH				3	3	1986	Thôn Nam Tiền, Hòa Bình, Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01541		87.50	58.75	80.00		KHH00081
209	ĐÀO NGUYỄN MINH	XUÂN				25	8	1992	Nham Sơn, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học Văn Lang	Ngân hàng	Con TB	KHH01546	20	92.50	78.75	77.50		KHH00023
210	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YÊN				7	1	1986	Bình Định	Đại học Thái Bình Dương	Kế toán		KHH01559		40.00	33.75	45.00		KHH00108
211	PHẠM THỊ KIM	YẾN				17	9	1991	Phong Phú, Ninh Giang, thị Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán Tài chính		KHH01575		VT	VT	VT		KHH00071
212	VÕ THỊ NGỌC	YẾN				23	9	1992	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01579		VT	VT	VT		KHH00105
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	LÊ XUÂN	ANH	1	4	1983				Tân Thuận Tây, Cao Lãnh, Đồng Tháp	Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh	Hệ thống Thông tin Quản lý		KHH01580		70.00	60.00			KHH00044
2	BÙI MINH	NHẬT	10	3	1986				Hồng Phú, Ninh Giang, Hải Dương	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tin học quản lý	Con TB	KHH01612	20	72.50	55.00			KHH00091
3	NGUYỄN VĂN	VIỆT	5	8	1985				tổ Thuận Hiệp, phường Cam Thuận, Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học Công Nghệ Tp. Hồ Chí Minh	Mạng máy tính	HTNVQS	KHH01639	10	52.50	27.50			KHH00197
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG				3	4	1993	Ninh Phụng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	Cao Đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Nha Trang	Quản trị văn phòng - Lưu trữ		KHH01668		76.00	34.00	72.00		KHH00040
2	LÊ THỊ THU	GIÀU				10	10	1989	Phú Yên	Đại học Quốc Gia Hà nội - Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng		KHH01669		80.00	46.00	68.00		KHH00079
3	NGUYỄN THỊ BẢO	HOÀI				3	4	1991	thôn 3, Sông Hinh, Sông Hinh, Phú Yên	Cao Đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Nha Trang	Quản trị văn phòng		KHH01670		36.00	24.00	44.00		KHH00207
4	ĐẶNG THỊ MỸ	LINH				22	9	1992	thôn 3, Ninh Thượng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	Cao Đẳng Sư phạm Nha Trang	Quản trị văn phòng - Lưu trữ		KHH01671		64.00	28.00	64.00		KHH00064

ngt
Đ